

Số: 3103/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 10 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường  
của dự án Điều chỉnh khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng lô 8,  
phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,  
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của  
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến  
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa  
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi  
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc  
môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong  
hoạt động khai thác khoáng sản;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi  
trường của dự án Điều chỉnh khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng lô 8,  
phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu họp ngày 29 tháng  
5 năm 2020;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Điều chỉnh  
khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng lô 8, phường Kim Dinh, thành phố Bà  
Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số  
313/CV.ĐHP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Công ty TNHH Khai thác và sản  
xuất đá Hương Phong;*



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ~~61.84~~./TTr-STNMT ngày ~~25~~ tháng ~~9~~ năm 2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Điều chỉnh khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng lô 8 (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Khai thác và sản xuất đá Hương Phong (sau đây gọi là Chủ đầu tư dự án) thực hiện tại phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã trong vùng ảnh hưởng của dự án theo dõi, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, quản lý chất thải của Chủ đầu tư dự án trong quá trình triển khai thực hiện và hoạt động vận chuyển vật liệu nhằm bảo đảm tuân thủ theo các quy định có liên quan, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các tuyến đường vận chuyển, dân cư khu vực dự án.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ đầu tư dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cty TNHH Khai thác và sản xuất đá Hương Phong - Chủ ĐT dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thành phố Bà Rịa;
- UBND phường Kim Dinh;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, HS, KT7.



**Nguyễn Văn Thọ**



## PHỤ LỤC

### Các nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án Điều chỉnh khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng Lô 8, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Kèm theo Quyết định số...*3102*.../QĐ-UBND ngày...*13*...tháng *10* năm 2020  
của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

#### 1. Thông tin về dự án

**1.1. Tên dự án:** Điều chỉnh khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng Lô 8, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

#### 1.2. Chủ đầu tư dự án

- Chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH khai thác và sản xuất đá Hương Phong.
- Địa chỉ: khu phố Núi Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Điện thoại: (0254) 3828 079
- Người đại diện: Nguyễn Huy Toàn Chức vụ: Giám đốc.

#### 1.3. Phạm vi, quy mô công suất dự án

- Phạm vi, quy mô: Đầu tư khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng Lô 8, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích khai trường khoảng 13,35 ha; công suất 297.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm.
- Địa điểm thực hiện dự án: Tại phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Thời gian khai thác: khoảng 12 năm và 2 tháng.

#### 1.4. Các hạng mục công trình chính của dự án

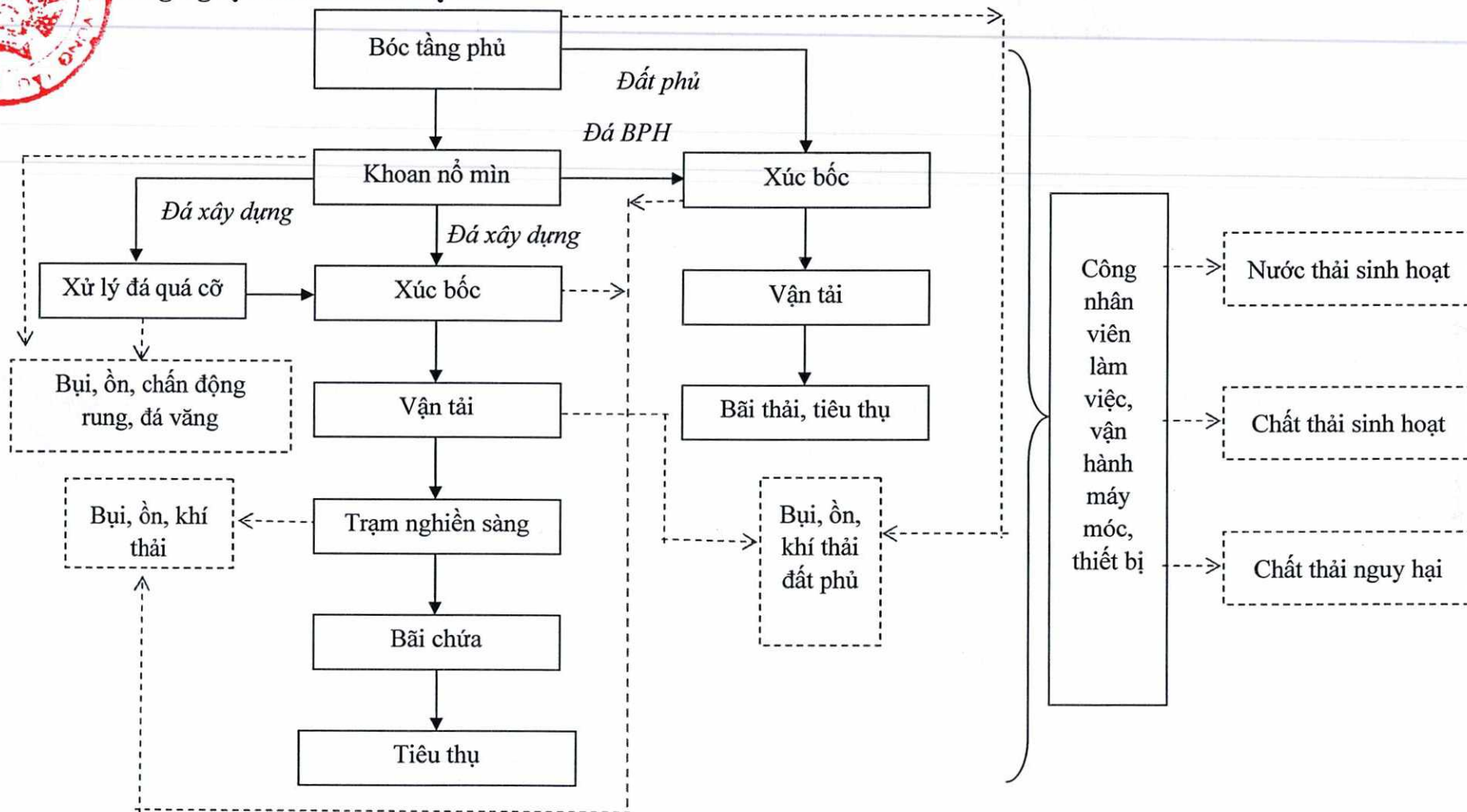
STT	Hạng mục công trình	Thông số	Ghi chú
<b>I. Hạng mục công trình chính</b>			
1	Khai trường khai thác	Diện tích khoảng 13,35 ha	-
2	Sân công nghiệp (SCN)	Diện tích khoảng 22,65 ha	Nằm về phía Nam ngoài ranh khai trường
3	Hồ chứa nước	Diện tích khoảng 2.100m <sup>2</sup> , sâu khoảng 5m, dung tích chứa khoảng 10.000 m <sup>3</sup>	Thu và lắng lọc nước mưa chảy vào mỏ
4	Hồ lắng	Diện tích khoảng 2.450m <sup>2</sup> , sâu khoảng 10m, dung tích chứa khoảng 24.500m <sup>3</sup> .	Là hồ thu nước sau khi đã được lắng từ hồ chứa



STT	Hạng mục công trình	Thông số	Ghi chú
			<i>nước, nước trong hồ lắng được sử dụng cho hoạt động sản xuất,...</i>
5	Khu chế biến đá	Diện tích khoảng 25.000m <sup>2</sup> , bố trí trong mặt bằng SCN	<i>Mở rộng khu chế biến hiện hữu</i>
6	Bãi chứa thành phẩm	Diện tích 180.000m <sup>2</sup> , bố trí trong mặt bằng SCN,	<i>Mở rộng bãi chứa hiện hữu</i>
7	Bãi thải tạm	Diện tích khoảng 5.000m <sup>2</sup> , bố trí trong mặt bằng SCN	<i>Hiện hữu</i>
<b>II. Hạng mục công trình phụ trợ</b>			
1	Hệ thống cấp điện, nước	-	<i>Hiện hữu</i>
2	Kho nhiên liệu	Diện tích khoảng 24 m <sup>2</sup>	<i>Cải tạo công trình hiện hữu</i>
3	Kho vật tư	Diện tích 20 m <sup>2</sup>	<i>Hiện hữu</i>
4	Kho thiết bị	Diện tích 20 m <sup>2</sup>	<i>Hiện hữu</i>
5	Nhà nghỉ công nhân...	Diện tích khoảng 52 m <sup>2</sup>	<i>Hiện hữu</i>
<b>III. Hạng mục công trình bảo vệ môi trường chính</b>			
1	Nhà vệ sinh di động	-	<i>Đầu tư mới</i>
2	Kho chứa chất thải nguy hại	Diện tích 20 m <sup>2</sup> , nhà mái tôn, vách tôn, nền xi măng, gờ chống tràn cao 20cm	<i>Cải tạo công trình hiện hữu</i>
3	Hệ thống mương rãnh thoát nước từ hồ thu (hồ lắng) về hồ RMK	Kích thước 110m x 2m x 0,8m	<i>Bổ sung, cải tạo công trình hiện hữu, nạo vét trong quá trình thực hiện dự án</i>



### 1.5. Công nghệ sản xuất của dự án



(Các thông tin về dự án nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án)

## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

### 2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

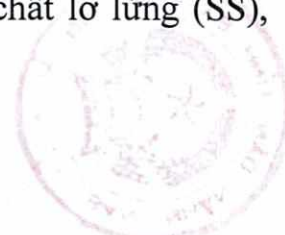
Giai đoạn	Các hoạt động	Các chất gây ô nhiễm chính
<b>Triển khai xây dựng</b>	Trong quá trình xin tiếp tục khai thác, dự án sẽ tiếp tục sử dụng lại các hạng mục trong giai đoạn xây dựng cơ bản. Vì vậy trong giai đoạn xây dựng cơ bản, không dự báo đánh giá tác động môi trường.	
<b>Khai thác</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoạt động xúc bốc, bóc phủ, nổ mìn, chế biến</li><li>- Hoạt động của máy móc, thiết bị tại công trường như máy xúc, máy ủi, trạm nghiền sàng.</li><li>- Hoạt động của các phương tiện cơ giới, vận chuyển và xúc bốc.</li><li>- Hoạt động và sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ của các phương tiện cơ giới vận chuyển.</li><li>- Công nhân viên làm việc tại mỏ</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải phát sinh từ các hoạt động máy móc, các phương tiện cơ giới,...</li><li>- Nước thải, chất thải rắn từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại mỏ.</li><li>- Nước mưa chảy trực tiếp vào moong khai thác.</li><li>- Tác động khác: kinh tế- xã hội,...; sự cố, rủi ro: giao thông, cháy nổ, chập điện,...</li></ul>
<b>Cải tạo, phục hồi môi trường</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoạt động củng cố bờ moong, lấp biển báo, trồng cây xung quanh moong, nạo vét tuyến mương, tạo hệ thống thoát nước cho hồ.</li><li>- Hoạt động tháo dỡ công trình, vận chuyển vật tư, thiết bị ra khỏi mỏ.</li><li>- Hoạt động tu sửa đường vận chuyển ngoài mỏ</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải phát sinh từ các hoạt động máy móc, các phương tiện phục vụ CT,PHMT,...</li><li>- Bụi, chất thải rắn phát sinh, từ việc tháo dỡ công trình...</li><li>- Tác động khác: tai nạn lao động, sạt lở bờ moong,...</li></ul>

### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

#### 2.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Thành phần chất ô nhiễm bao gồm: các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD/COD), chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...







### 2.2.2. Nước mưa chảy tràn

- Theo dự báo, lượng nước mưa tối đa rơi vào moong khai thác là 1.370 m<sup>3</sup>/ngày đêm, lượng nước mưa rơi vào mặt bằng sân công nghiệp là 2.324 m<sup>3</sup>/ngày đêm, lượng mưa ngoài khu vực dự án chảy về khu mỏ là 3.325 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Thành phần chất ô nhiễm chính bao gồm: vật liệu rơi vãi, cặn rắn có nguồn gốc từ bụi đá...

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, tiếng ồn

#### 2.3.1. Bụi tại khu vực khai trường

- **Hoạt động bóc phủ:** phát sinh tại khu vực khai trường, với thời gian phát sinh khoảng 5 năm. Tuy có phát sinh bụi nhưng với tải lượng nhỏ diễn ra trong thời gian ngắn (khoảng 3-6 tháng mùa khô), có phạm vi tác động không lớn (chủ yếu là công nhân trực tiếp làm việc tại công trường).

- **Bụi do hoạt động khoan, nổ mìn:** Trong quá trình khai thác, do đặc tính của bụi trong quá trình khoan không phát tán ra xa nên tác động chủ yếu trong quá trình này là công nhân. Tại mỏ sử dụng thuốc nổ để phá đá bằng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện. Khi nổ sẽ gây phá vỡ đất đá đồng thời gây bụi, phát thải khí độc, gây chấn động mặt đất, tạo các sóng va đập không khí, gây tiếng động lớn.

- **Hoạt động xúc bốc, nghiền sàng đá:** Các hoạt động xúc bốc đất phủ về bãi thải, xúc bốc đá tại gương khai thác, nghiền sàng đá và xúc bốc đá thành phẩm tại khu chế biến là nguồn phát sinh bụi.

#### 2.3.2. Bụi do hoạt động vận chuyển

Bao gồm vận chuyển đất thải nội mỏ và vận chuyển sản phẩm ra quốc lộ, khu vực phát sinh tương đối rộng, phát sinh tại moong khai thác và đường vận chuyển ngoài mỏ, thời gian ảnh hưởng: trong suốt thời gian mỏ hoạt động.

**2.3.3. Khí thải từ các phương tiện cơ giới, vận chuyển và xúc bốc:** Các phương tiện cơ giới, vận chuyển và xúc bốc sẽ phát thải ra một lượng khí thải khá lớn chứa các chất ô nhiễm như tro bụi, SO<sub>2</sub>, CO, THC, NO<sub>x</sub>, VOC,...

**2.3.4. Tiếng ồn từ khu vực moong khai thác, khu chế biến và tuyến đường vận chuyển:**

- **Tiếng ồn tại khu vực moong khai thác:**

+ Các thiết bị cơ giới tại mỏ đều là cơ giới nặng. Khi hoạt động sẽ phát ra tiếng ồn và làm gia tăng độ ồn xung quanh;

+ Do hoạt động nổ mìn: Tiếng ồn do hoạt động nổ mìn có giá trị rất lớn, tuy nhiên mang tính chất tức thời, không thường xuyên

- **Tiếng ồn tại khu vực nghiền sàng:** Nguồn ồn phát sinh tại khu vực trạm



nghiên sàng gồm hoạt động của hệ thống nghiền sàng, máy xúc và phương tiện vận chuyển. Độ ồn tại khu chế biến ảnh hưởng thường xuyên và liên tục tại khu vực chế biến và xung quanh. Trong hoạt động khai thác mỏ, mức độ tác động của tiếng ồn từ khu vực này là cao nhất do là nguồn tác động liên tục.

Tại mỏ các hoạt động tại khu chế biến và khai trường diễn ra đồng thời nên tác động do tiếng ồn bao gồm tác động do cả hai hoạt động trên gây ra.

- **Tiếng ồn phát sinh trên đường vận chuyển:** Trên đường vận chuyển từ mỏ ra tuyến đường quốc lộ, các nguồn gây ồn chủ yếu là các xe chở đá ra vào. Các tài xế xe tải và người dân sống ven đường là người bị ảnh hưởng thường xuyên.

### **2.3.5 Rung động, đá văng**

Các nguồn gây ra rung động bao gồm: các phương tiện như ô tô, máy đào, máy xúc, máy khoan tay, hệ thống nghiền sàng, hoạt động nổ mìn... Mỗi nguồn đều có 1 tần số rung, cường độ rung khác nhau.

Nguồn gây phát sinh đá văng, sóng không khí: phát sinh từ bãi nổ mìn trong khai trường theo từng đợt nổ. Tại mỏ chỉ nổ mìn các ngày trong tuần theo quy định. Trên thực tế với công suất mỏ thiết kế, không dồn nổ mìn với bãi nổ quá lớn sẽ không an toàn, cũng không nổ quy mô quá nhỏ sẽ làm giảm năng suất sản xuất.

Trong thời gian nổ mìn đã đăng ký có thể nổ nhiều bãi mìn với thời gian dẫn cách theo quy định đã đăng ký với cơ quan chức năng. Mỗi bãi mìn có hộ chiếu nổ mìn riêng biệt được Giám đốc mỏ phê duyệt.

## **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường**

### **2.4.1. Chất thải rắn thông thường**

- Đất thải từ hoạt động bóc phủ, tổng khối lượng đất đá thải trong toàn mỏ là 151.000m<sup>3</sup> nguyên khối tương đương 187.995 m<sup>3</sup> nguyên khai. Dự kiến bóc tầng phủ trong 05 năm đầu khai thác.

- Nguồn phát sinh chủ yếu từ vận chuyển đá làm rơi vãi và quá trình thải đá không đủ quy cách khi chế biến. Thành phần chủ yếu là vật chất vô cơ

### **2.4.2. Chất thải rắn sinh hoạt**

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 25,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu trong chất thải rắn sinh hoạt gồm: thực phẩm, rau quả, thức ăn dư thừa; các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống; nhựa, plastic, kim loại,...

## **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ quá trình hoạt động và sửa chữa các phương tiện cơ giới, thay thế thiết bị như: giẻ lau dính dầu mỡ, thùng phuy chứa dầu nhớt, bình ắc quy, bóng đèn hu... .





### **3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

#### **3.1. Giảm thiểu ô nhiễm nước thải**

##### **3.1.1. Nước thải sinh hoạt**

Sử dụng 01 nhà vệ sinh di động để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án. Chủ đầu tư dự án sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom đến hút và mang đi xử lý theo quy định theo định kỳ 2 đến 3 lần/1 tuần.

##### **3.1.2 Nước mưa chảy tràn**

Áp dụng biện pháp lắng cơ học để xử lý nước thu gom được trong moong khai thác. Nước thải sau khi tập trung vào hố thu nước có dung tích 1.000 m<sup>3</sup> tại đáy khai trường để lắng lọc trước khi bơm lên mương dẫn nước và chảy về hồ RMK.

- Mở rộng hố thu nước hiện hữu có dung từ 1.000 m<sup>3</sup> lên 24.500 m<sup>3</sup> (diện tích khoảng 2.450 m<sup>2</sup>, chiều sâu khoảng 10m) để tạo thành hồ lắng cho dự án. Vị trí hồ lắng nằm về phía Đông Nam của mỏ, nằm trong ranh mỏ nhưng nằm ngoài khai trường khai thác (13,5 ha).

- Bổ sung thêm 1 hồ thu nước tại mặt bằng sân công nghiệp gần điểm mốc số 18, có diện tích 2.100m<sup>2</sup>, chiều sâu là 5m, dung tích chứa khoảng 10.000m<sup>3</sup>, hồ này thu và lắng lọc nước mưa chảy vào mỏ.

- Nước mưa chảy tràn được lắng trong hồ thu nước sau đó chảy qua hồ lắng thông qua hệ thống mương đào. Nước trong hồ lắng được sử dụng cho công tác sản xuất, tưới đường, tưới cây xanh vào mùa khô. Vào mùa mưa tại hồ lắng sẽ đặt trạm bơm tháo khô, toàn bộ khối lượng nước sẽ được bơm vào cống dẫn nước chảy qua đường QL. 56 đổ vào hồ RMK. Hồ RMK là nơi tiếp nhận nước thải từ mỏ để phục vụ công tác tưới tiêu trong khu vực.

#### **3.2. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải**

- Tiếp tục áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi hiện đang sử dụng và có bổ sung, tăng cường các biện pháp để giảm thiểu bụi phát sinh, phát tán trong các hoạt động khai thác và chế biến, vận chuyển.

*Hệ thống phun nước giảm bụi tại các trạm nghiền của dự án:*

+ Quy trình hoạt động của hệ thống phun nước: Sử dụng xe bồn để chở nước từ hố lắng nước để bơm lên bồn chứa có dung tích là 30m<sup>3</sup>. Sau đó nước từ bồn chứa sẽ được bơm lên đập bụi cho hệ thống chế biến nghiền sàng.

+ Phun nước tại các vị trí phát sinh bụi, cụ thể như sau:

\* Phun nước làm ướt đá nguyên liệu ngay sau khi đổ đá vào hàm đập: vận hành thủ công bởi công nhân vận hành máy xay, khi xe đổ đá thì mở van tưới nước vào đồng đá trong phễu.

\* Phun sương cao áp làm ướt đá tại máy đập hàm và máy đập côn, tại các đầu băng tải để bụi không lan tỏa ra xung quanh.



Với tổng lượng nước sử dụng lớn nhất là 18 m<sup>3</sup>/ngày (tính toán tại mục 1.3.1), Công ty trang bị 1 bồn chứa nước (thể tích 30 m<sup>3</sup>/bồn) để cấp nước giảm bụi cho các trạm nghiền.

- Trồng 2 hàng cây xanh dọc theo ranh mỏ để tạo thành hàng rào quanh moong (cây keo lá tràm, hàng cách hàng 1 m, cây trong hàng cách nhau 2 m), quanh mặt bằng sân công nghiệp (trồng 02 hàng, cây cách cây 2 m) để giữ độ ẩm cho môi trường, tăng khả năng sa lắng bụi tại khu vực gần nguồn phát sinh, đồng thời giảm khả năng lan truyền bụi cũng như các chất ô nhiễm ra ngoài khu vực khai thác.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn**

#### **3.3.1. Đối với đất tầng phủ**

Lượng đất phủ phát sinh tại mỏ được lưu chứa tại bãi thải có diện tích 5.000m<sup>2</sup>, nằm trong mặt bằng sân công nghiệp.

#### **3.3.2. Đối với rác sinh hoạt**

Sử dụng các thùng chứa rác để lưu giữ chất thải sinh hoạt tại nhà ăn, văn phòng. Ký hợp đồng với đơn vị chức năng để ký hợp đồng dịch vụ vào thu gom.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại**

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 20m<sup>2</sup>, kho có mái tôn, vách tôn, nền xi măng, gờ chống tràn cao 20cm. Hiện nay kho chứa đã có hiện hữu, trong thời gian tiếp tục khai thác tiếp sẽ sử dụng, cải tạo lại kho chứa chất thải hiện hữu bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại được quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Bố trí mỏ hoạt động theo thời gian quy định.
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, tra dầu mỡ cho máy móc thiết bị.
- Trồng cây xanh xung quanh mỏ để giảm thiểu tiếng ồn, giảm ô nhiễm không khí, tạo bóng mát.

### **3.6. Biện pháp giảm thiểu chấn động rung, đá văng khi nổ mìn**

- Sử dụng phương pháp nổ vi sai phi điện cho toàn mỏ.
- Bố trí bãi nổ thích hợp nhằm giảm thiểu lớn nhất ảnh hưởng do đá văng, chấn động. Nổ mìn đúng như hộ chiếu dưới sự giám sát của chỉ huy nổ mìn và giám đốc điều hành mỏ.

- Phân công giám đốc điều hành mỏ phụ trách công việc tại khai trường. Lập hộ chiếu nổ mìn đầy đủ, chính xác theo quy định và phải được người có thẩm quyền phê duyệt.





- Tuân thủ quy trình, quy chế khoan nổ mìn áp dụng cho công nghệ khai thác lộ thiên và được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động.

### 3.7. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

#### 3.7.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện

Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường được yêu cầu thực hiện với các nội dung chủ yếu sau:

- Cải tạo mỏ sau khai thác thành hồ chứa nước.
- Trồng cây xung quanh moong, khu vực sân công nghiệp, văn phòng, lấp đặt biển báo, làm hàng rào kẽm gai, củng cố bờ moong.
- Trồng cỏ trên vách taluy, bố trí hệ thống thoát nước, nạo vét hệ thống mương rãnh.
- San gạt mặt bằng sân công nghiệp, tháo dỡ các máy móc, thiết bị, công trình phụ trợ, vận chuyển máy móc, thiết bị ra khỏi dự án, tu sửa đường vận chuyển, đo vẽ địa hình khi kết thúc,...

#### 3.7.2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Công tác	ĐVT	Khối lượng
<b>I</b>	<b>Cải tạo khu vực moong khai thác</b>		
<b>1</b>	<b><i>Cải tạo, phục hồi môi trường năm 1</i></b>		
	Trồng cây xung quanh moong	Cây	1.608
	Lấp đặt biển báo	Cái	21
	Làm hàng rào kẽm gai	m <sup>2</sup>	3.780
	Củng cố bờ moong		
	<i>Trong đất phủ</i>	m <sup>3</sup>	179,1
	<i>Trong đá gốc</i>	m <sup>3</sup>	12
<b>2</b>	<b><i>Cải tạo, phục hồi môi trường từ năm thứ 2 đến năm thứ 5</i></b>		
<b>2.1</b>	<b><i>Năm 2</i></b>		
	Trồng cây xanh	cây	213
	Củng cố bờ moong	m <sup>3</sup>	6,976
<b>2.2</b>	<b><i>Năm 3</i></b>		
	Trồng cây xanh	cây	213
	Củng cố bờ moong	m <sup>3</sup>	10,464
<b>2.3</b>	<b><i>Năm 4</i></b>		
	Trồng cây xanh	cây	213
	Củng cố bờ moong	m <sup>3</sup>	13,952
<b>2.4</b>	<b><i>Năm 5</i></b>		

STT	Công tác	ĐVT	Khối lượng
	Trồng cây xanh	cây	213
	Củng cố bờ moong	m <sup>3</sup>	3,488
<b>3</b>	<b><i>Cải tạo, phục hồi môi trường từ năm thứ 6 đến năm thứ 10</i></b>		
<b>3.1</b>	<b><i>Năm 6</i></b>		
	Trồng cây xanh	cây	307
	Củng cố bờ moong	m <sup>3</sup>	10,34
<b>3.2</b>	<b><i>Năm 7</i></b>		
	Trồng cây xanh	cây	307
	Củng cố bờ moong	m <sup>3</sup>	15,517
<b>3.3</b>	<b><i>Năm 8</i></b>		
	Trồng cây xanh	cây	307
	Củng cố bờ moong	m <sup>3</sup>	20,69
<b>3.4</b>	<b><i>Năm 9</i></b>		
	Trồng cây xanh	cây	307
	Củng cố bờ moong	m <sup>3</sup>	5,17
<b>3.5</b>	<b><i>Năm 10</i></b>		
	Trồng cây xanh	cây	307
<b>4</b>	<b><i>Cải tạo, phục hồi môi trường từ năm thứ 10 đến năm thứ 12</i></b>		
<b>4.1</b>	<b><i>Năm 11</i></b>		
	Trồng cây xanh	cây	307
<b>4.2</b>	<b><i>Năm 12</i></b>		
	Trồng cây xanh	cây	307
<b>5</b>	<b><i>Cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác</i></b>		
	Trồng cỏ trên vách taluy	m <sup>2</sup>	75.065
	Tạo hệ thống thoát nước cho hồ	m <sup>2</sup>	89.941
	Nạo vét hệ thống mương rãnh	m <sup>3</sup>	204
<b>II</b>	<b>Khu vực sân công nghiệp</b>		
<b>1</b>	<b><i>Giai đoạn 1: được thực hiện trong suốt quá trình khai thác</i></b>		
1.1	Trồng cây xung quanh	cây	3.960
1.2	San gạt sơ bộ SCN phía Tây khu 2	m <sup>3</sup>	18.600
<b>2</b>	<b><i>Giai đoạn 2: được thực hiện sau khi kết thúc khai thác</i></b>		
2.1	Tháo dỡ các công trình		
	- Phá dỡ tường gạch	m <sup>3</sup>	74,2

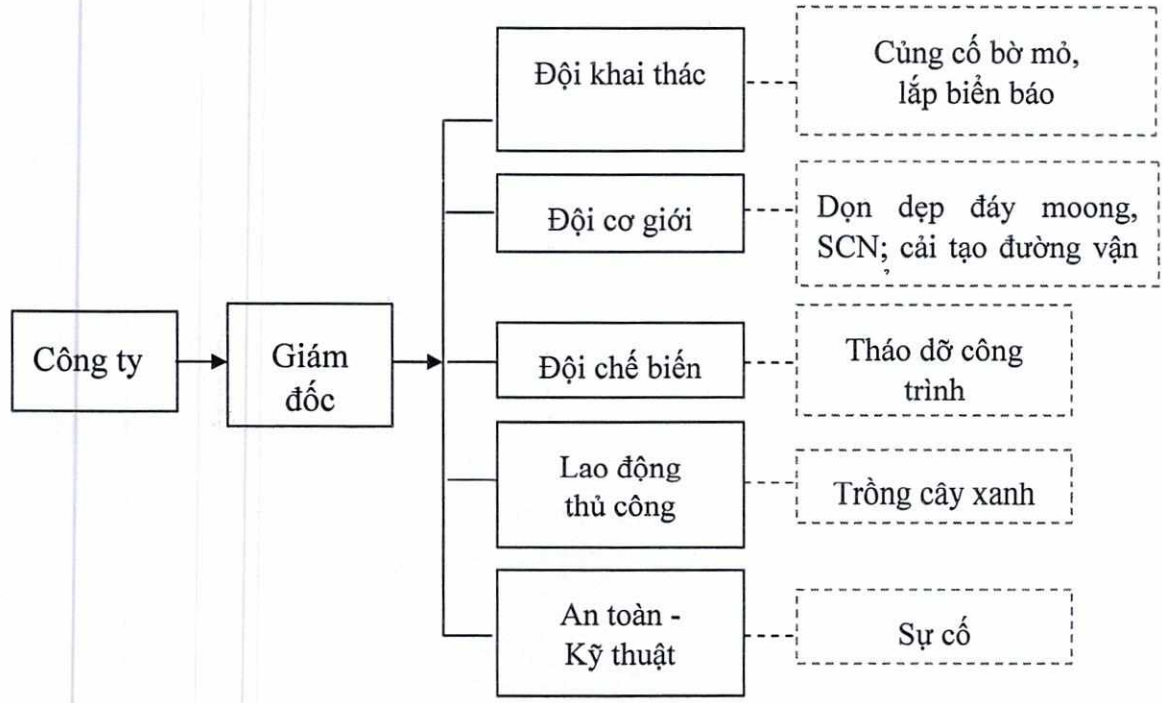




	Công tác	ĐVT	Khối lượng
STT	- Phá dỡ nền xi măng	m <sup>2</sup>	742
	- Tháo dỡ cửa	m <sup>2</sup>	30
	- Tháo dỡ mái tôn	m <sup>2</sup>	742
	- Tháo dỡ thiết bị vệ sinh	Cái	3
2.2	Tháo bỏ khu cấp liệu		
	- Tháo dỡ hệ thống nghiền sàng	tấn	60
	- Tháo bỏ, san gạt cầu cạn	m <sup>3</sup>	2.700
	- Tháo bỏ, san gạt mặt bằng tiếp nhận đá	m <sup>3</sup>	25.425
	- Tháo bỏ kè bảo vệ	m <sup>3</sup>	10
	- Tháo dỡ trạm biến áp	tấn	0,6
	- Tháo dỡ trạm cân	tấn	2
2.3	Vận chuyển thiết bị sau tháo dỡ ra khỏi mỏ	Ca	7
2.4	San gạt mặt bằng sân công nghiệp	m <sup>3</sup>	46.350
2.5	Trồng cây mặt bằng sân công nghiệp, khu văn phòng		
	Cây Keo	Cây	25.647
<b>III</b>	<b>Cải tạo, phục hồi môi trường khác</b>		
	Tu sửa đường vận chuyển	m <sup>2</sup>	945
	Quan trắc môi trường khí, đo vẽ địa hình	Đợt	2

**3.7.3. Kế hoạch thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường**

Công tác cải tạo, PHMT được tổ chức theo một sơ đồ quản lý như sau:



### 3.7.4 Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

a) Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 5.965.896.553 đồng (*Năm tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi sáu ngàn, năm trăm năm mươi ba đồng*).

b) Phương thức ký quỹ

- Số lần ký quỹ: 12 lần.

Số tiền ký quỹ lần đầu: 1.193.179.318 đồng (*Một tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, một trăm bảy mươi chín ngàn, ba trăm mười tám đồng*).

Số tiền ký quỹ những lần sau: 433.883.385 đồng (*Bốn trăm ba mươi ba triệu, tám trăm tám mươi ba ngàn, ba trăm tám mươi lăm đồng*).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020).

- Thời điểm thực hiện ký quỹ: Thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt phương án; việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

### 3.8. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

#### 3.8.1. Biện pháp phòng chống cháy nổ

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy, chữa cháy trong khu vực. Xây dựng quy định PCCC để người lao động áp dụng và học tập.

- Bố trí các phương tiện chữa cháy tại khu vực làm việc, kho nhiên liệu và được công an PCCC tỉnh kiểm tra thường xuyên.

- Lắp đặt các biển báo cháy, nổ, nguy hiểm. Thường xuyên phát quang cây cỏ xung quanh khu vực để xảy ra cháy nổ (kho nhiên liệu, trạm điện).

- Tăng cường ý thức phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên làm việc trong mỏ. Báo động toàn mỏ khi có cháy xảy ra, di tản công nhân và thiết bị nơi xảy ra cháy.

#### 3.8.2. Biện pháp đối với tai nạn lao động

a) Biện pháp phòng ngừa

- Cơ giới hóa các công đoạn tháo lắp trạm nghiền sàng, máy biến áp khu lắp đặt, sửa chữa. Công tác lắp đặt hệ thống điện sẽ do đơn vị có chuyên môn, năng lực thực hiện.

- Lắp đặt các biển báo, bảng hướng dẫn khi thi công.

- Chừa đai bảo vệ đủ rộng theo Quy chuẩn để ngăn giữ các tảng đất đá lăn từ phía trên xuống. Khi đào đất tuyệt đối không đào theo kiểu hàm ếch.

- Sau mỗi lần mưa phải kiểm tra vách taluy, các khe nước. Nếu thấy có kẽ nứt hoặc hiện tượng sụt lở thì phải đình chỉ việc đào ngay tại vị trí đó.



- Công ty duy tu các biển báo hiệu công trình và độ sâu hồ mỏ để thông báo và ngăn ngừa người và súc vật ra vào mỏ.

b) Thực hiện các biện pháp ứng phó kịp thời như sau

- Cách ly người bị nạn ra khỏi nguồn gây sự cố; sơ cứu kịp thời người bị nạn trước khi chuyển đến cơ sở y tế gần nhất (trạm y tế xã, huyện); tổ chức thực hiện việc sơ cấp cứu người bị nạn tại chỗ.

- Bộ phận y tế được trang bị các phương tiện, thuốc để thực hiện sơ cứu, cấp cứu tại chỗ.

### **3.8.3. Biện pháp phòng chống sét do mưa giông**

- Xây dựng cột thu lôi Franklin để chống sét cho nhà cửa trong khu văn phòng.

- Tiếp đất các thiết bị điện, các trạm nghiền sàng. Giáo dục cho công nhân phương cách tránh sét khi có mưa giông lớn: trước tiên khi thấy có mưa giông lớn xuất hiện lập tức vào nơi an toàn. Trong trường hợp không kịp vào nhà phải đứng xa các vật cao, tránh xa khu vực hồ thu nước khai trường, tránh xa các vật dụng bằng kim loại như máy móc, thiết bị trên khai trường, người ở vị trí càng thấp càng tốt.

### **3.8.4. Biện pháp ứng phó tai biến địa chất, tai biến môi trường**

- Đảm bảo góc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc; chiều cao tầng khai thác, chiều cao tầng kết thúc, chiều rộng đai bảo vệ theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Bộ phận an toàn thường xuyên quan sát vách bờ mỏ để phát hiện các vết nứt, khe nứt, đá treo để có biện pháp phòng tránh nguy cơ sạt lở.

- Khai thác đến đâu thì bóc phủ đến đó, giữ lại lớp phủ thực vật ở diện tích chưa khai thác đến để chống xói mòn.

- Giám đốc điều hành mỏ xây dựng phương án phòng chống, ứng cứu sự cố trong trường hợp xảy ra sạt lở, nguy hiểm tính mạng con người:

- Khi xảy ra sự cố, đội khai thác thông báo đến công ty và phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng tại chỗ cùng ứng phó và xử lý sự cố.

- Đo vẽ định kỳ hằng năm địa hình khu vực khai trường, trong đó bao gồm các nội dung trắc địa bờ mỏ, tầng khai thác, taluy. Trên cơ sở đó, cán bộ kỹ thuật mỏ sẽ đối chứng và so sánh với các năm trước, với hiện trạng để xác định các thông số dịch chuyển đất đá và dự báo các nguy cơ sạt lở trên bờ mỏ.

*Hoạt động ứng phó khi xảy ra rủi ro, sự cố:* Lập tức dừng hoạt động khai thác tại khu vực xảy ra sự cố, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động và thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố để khắc phục. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

#### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng
<b>I</b>	<b>Công trình, thiết bị giảm thiểu bụi</b>		
1	Bể chứa nước tại trạm nghiền, loại 10.000 lít	Cái	2
2	Hệ thống phun nước chống bụi, 1 hệ thống/trạm nghiền	HT	2
3	Xe bồn tưới nước, 5m <sup>3</sup>	cái	1
<b>II</b>	<b>Công trình, thiết bị xử lý CTSH</b>		
1	Thùng thu gom rác sinh hoạt loại 200 lít	Thùng	2
2	Thùng thu gom rác sinh hoạt loại 240 lít	Thùng	1
<b>III</b>	<b>Công trình, thiết bị thu gom, xử lý CTNH</b>		
	Kho lưu CTNH, nền gạch, mái tole cách nhiệt.	m <sup>2</sup>	20
<b>IV</b>	<b>Các công trình, thiết bị thu gom, xử lý nước thải, thoát nước mưa chảy tràn</b>		
1	Nhà vệ sinh di động	cái	1
2	Hồ lắng	m <sup>3</sup>	24.500
3	Hồ chứa nước	m <sup>3</sup>	10.000
4	Trạm bơm 50 m <sup>3</sup> /h	cái	1

#### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

##### 5.1 Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo đúng quy định. Chủ dự án phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải (lấy mẫu tổ hợp), đánh giá hiệu quả trong từng công đoạn xử lý và cả công trình xử lý chất thải theo đúng quy định.

##### 5.2. Giám sát trong giai đoạn khai thác

###### 5.2.1. Giám sát chất thải rắn

Thực hiện thống kê và lưu giữ chất thải theo quy định:





- Lượng đất đá lưu chứa tại bãi thải.
- Theo dõi báo cáo định kỳ khối lượng CTNH phát sinh.
- Tần suất giám sát: thường xuyên.

#### 5.2.2 Giám sát chất lượng không khí

- Thông số giám sát:  $\text{NO}_2$ ,  $\text{CO}$ ,  $\text{SO}_2$ , Bụi tổng cộng, tiếng ồn.
- Vị trí giám sát: khu vực moong khai thác, khu chế biến và tuyến đường vận chuyển nội mỏ.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2015/BTNMT, QCVN 26:2009/BTNMT.

#### 5.2.3 Giám sát nước thải sản xuất

- Thông số giám sát: pH,  $\text{BOD}_5$ , COD, TSS,  $\text{NO}_3^-$ , Tổng P, Tổng N, dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Vị trí giám sát: 2 vị trí (hố thu nước và đầu ra hố lắng).
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

#### 5.2.4. Các chương trình giám sát khác

- Giám sát các ảnh hưởng nổ mìn theo quy định.
- Giám sát, theo dõi các sự cố môi trường có thể xảy ra (sạt lở moong khai thác, sự ổn định của các mái dốc, giám sát các công tác khống chế rung động và các sự cố trong quá trình nổ mìn...) để có những biện pháp xử lý thích hợp và nhanh chóng. Công tác giám sát này căn cứ vào các kết quả kiểm tra thường xuyên của bộ phận kỹ thuật khai thác và kết quả đo địa hình hiện trạng mỏ hàng năm.

### 5.3. Giám sát trong giai đoạn cải tạo và PHMT, đóng cửa mỏ

#### 5.3.1 Giám sát môi trường không khí

- Thông số chọn lọc:  $\text{CO}$ ,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_x$ , bụi tổng cộng và tiếng ồn.
- Địa điểm: các vị trí với các số hiệu mẫu tương ứng trên bản đồ như sau:
  - + 01 vị trí trên đường nội mỏ, nơi thi công tu sửa mặt đường (KK1).
  - + 01 điểm tại sân công nghiệp, nơi thi công tháo dỡ và san ủi cầu cạn, cải tạo trồng cây (KK2).
- Tần số giám sát: 3 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn so sánh:
  - + Tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp (Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT-10/10/2002).

+ QCVN 24:2016/BYT: - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

### 5.3.2 Giám sát chất lượng nước mặt

- Thông số giám sát (8 chỉ tiêu): pH, SS, BOD5, COD, Fe tổng, P tổng, dầu mỡ khoáng, Tổng Coliform.

- Địa điểm: gồm 2 vị trí:

+ NM1: lấy tại hồ chứa nước.

+ NM2: mẫu nước hồ RMK lấy tại điểm mương dẫn nước từ mỏ chảy vào.

- Tần số thu mẫu: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A2- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

### 5.3.3. Giám sát chất lượng nước ngầm

- Thông số giám sát chất lượng nước ngầm: pH, độ cứng (tính theo CaCO<sub>3</sub>), TSS, Tổng Fe, SO<sub>4</sub><sup>2-</sup>, Tổng Coliform. Tổng cộng 6 chỉ tiêu.

- Quan trắc mực nước ngầm: đo đặc chiều sâu mực nước tĩnh, mực nước động tại giếng nhà dân lân cận mỏ. Lựa chọn giếng khoan để quan trắc. Vị trí giếng chính xác sẽ được lựa chọn tùy thực tế.

- Địa điểm: gồm 01 vị trí (ký hiệu NN) tại nhà dân gần nhất phía Đông Nam mỏ.

- Tần số thu mẫu: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09 -MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ngầm.

### 5.3.4. Giám sát sụt lở bờ moong

- Vị trí giám sát: Thực hiện quan sát vách moong.

- Thực hiện trong thời gian cải tạo phục hồi môi trường.

### 5.3.5. Các giám sát khác

- Đo mực nước tích trong hồ và ghi chép.

- Giám sát sự bồi xói tại điểm lưu thông nước hồ với hồ RMK.

- Giám sát sự phát triển của cây xanh được trồng: thời gian cây đến 3 năm tuổi. Thống kê số lượng cây xanh phát triển bình thường hàng năm để phục vụ công tác trồng bổ sung và chăm sóc cây xanh.

- Giám sát sự sụt lún quanh mỏ và trên sân công nghiệp được trồng cây, quan sát vách moong để phát hiện các vết nứt gãy, sạt và lập báo cáo với tần suất 1 lần/năm. Công tác này do cán bộ kỹ thuật chuyên ngành khai thác mỏ thực hiện, lập báo cáo và sơ đồ (dựa trên bản đồ địa chất khu vực mỏ).



## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chủ dự án phải thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định. Chỉ đưa dự án đi vào vận hành sau khi đã đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.3. Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm theo đúng quy định.

6.4. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) theo quy định.

6.5. Thực hiện tuân thủ Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.6. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.

6.7. Kiểm tra, giám sát hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác.

6.8. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại về môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

6.9. Thực hiện chương trình giám sát, quản lý môi trường theo đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát.

6.10. Định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.



6.11. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

6.12. Phải bảo đảm việc cải tạo, phục hồi môi trường được thực hiện ngay trong quá trình khai thác theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Thực hiện duy tu, bảo trì bảo đảm chất lượng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường tại nơi đã tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm đầu tư để khắc phục.

6.13. Thực hiện các nội dung theo ý kiến của Sở kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 2341/SKHĐT-ĐT ngày 07/8/2020, của Sở Giao thông vận tải tại văn bản số 1828/SGTVT-QKKCCL ngày 20/7/2020 và của UBND thành phố Bà Rịa tại văn bản số 5288/UBND-VP ngày 13/7/2020 liên quan đến dự án. Liên hệ với Sở Giao thông vận tải, UBND thành phố Bà Rịa để được giải quyết liên quan đến tuyến đường vận chuyển nhằm bảo đảm không ảnh hưởng tiêu cực đến dân cư khu vực dự án.